**1.Quá trình chuẩn bị về chính trị, tư tưởng và tổ chức của NAQ cho việc thành lập DCSVN và nội dung cơ bản của Cương lĩnh CM đầu tiên của Đảng (2/1930)**

*Trả lời:*+Quá trình chuẩn bị về chính trị, tư tưởng và tổ chức của Nguyễn Ái Quốc cho việc thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam là:

Về hoàn cảnh lịch sử ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam, bối cảnh quốc tế với sự chuyển biến của chủ nghĩa tư bản*.*Từ nửa sau thế kỷ XIX, chủ nghĩa tư bản phương Tây chuyển từ giai đoạn tự do cạnh tranh sang giai đoạn độc quyền (giai  đoạn  đế quốc chủ nghĩa). Nền công nghiệp hóa và kinh tế hàng hóa phát triển mạnh, đặt ra yêu cầu bức thiết về tài nguyên, nhân công, thị trường. Đó chính là nguyên nhân sâu xa dẫn tới những cuộc chiến tranh xâm lược thuộc địa. Đến năm 1914, các nước đế quốc Anh, Nga, Pháp, Đức, Mỹ, Nhật chiếm một khu vực thuộc địa rộng 65 triệu km2  với số dân 523,4 triệu người (so với diện tích các nước đó là 16,5 triệu km2 và dân số 437,2 triệu). Sự áp bức và thôn tính càng tăng thì mâu thuẫn giữa dân tộc thuộc địa với các nước đế quốc, thực dân thực dân càng gay gắt, sự phản ứng dân tộc của nhân dân các thuộc địa càng quyết liệt. Sự thức tỉnh về ý thức dân tộc và phong trào đấu tranh dân tộc để tự giải phóng khỏi ách thực dân, lập lại các quốc gia dân tộc độc lập trên thế giới. Bên cạnh đó là sự ảnh hưởng của chủ nghĩa Mác – Lênin, vào giữa thế kỷ XIX, phong trào đấu tranh của giai cấp công nhân phát triển mạnh mẽ ở các nước châu Âu, đặt ra yêu cầu bức thiết phải có một hệ thống lý luận khoa học với tư cách là vũ khí tư tưởng của giai cấp công nhân trong cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa tư bản. Trong hoàn cảnh đó, chủ nghĩa Mác ra đời, về sau được Lênin phát triển và trở thành chủ nghĩa Mác – Lênin. Chủ nghĩa Mác – Lênin chỉ rõ, muốn giành được thắng lợi trong cuộc đấu tranh thực hiện sứ mạnh lịch sử của mình, giai cấp công nhân phải lập ra đảng cộng sản. Sự ra đời đảng cộng sản là yêu cầu khách quan đáp ứng cuộc đấu tranh của giai cấp công nhân chống áp bức, bóc lột. Hệ thống lý luận của chủ nghĩa Mác – Lênin còn có nhiều quan điểm ủng hộ quyền tự quyết, độc lập ở các nước thuộc địa. Vì vậy, đầu thế kỷ XX những tư tưởng này bắt đầu ảnh hưởng mạnh mẽ đến các nước thuộc địa ở châu Á, châu Phi, châu Mỹ - Latinh. Năm 1917, Cách mạng Tháng Mười Nga thành công đã tác động đến sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam. Lần đầu tiên trên thế giới, một nhà nước của giai cấp công nhân, nông dân ra đời. Đối với nước Nga, đó là cuộc cách mạng vô sản, nhưng đối với các dân tộc thuộc địa trong đế quốc Nga thì đó còn là một cuộc cách mạng giải phóng dân tộc, bởi vì trước cách mạng “nước Nga là nhà tù của các dân tộc”. Cuộc cách mạng vô sản ở nước Nga thành công, các dân tộc thuộc địa của đế quốc Nga như Ba Lan, Ucraina.v.v… được giải phóng và được hưởng quyền dân tộc tự quyết, kể cả quyền độc lập. Cách mạng Tháng Mười đã nêu tấm gương sáng về sự giải phóng dân tộc bị áp bức đã “mở ra trước mắt họ thời đại cách mạng chống đế quốc, thời đại giải phóng dân tộc”. Nó làm cho phong trào cách mạng vô sản ở các nước tư bản chủ nghĩa phương Tây và phong trào giải phóng dân tộc ở các nước thuộc địa phương Đông có quan hệ mật thiết với nhau trong cuộc đấu tranh chống kẻ thù chung là chủ nghĩa đế quốc. Tháng 3-1919, Quốc tế Cộng sản được thành lập (Quốc tế III). Tại Đại hội lần II của Quốc tế Cộng sản (1920), *Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấnđề dân tộc và vấnđề thuộc địa* của V.I. Lênin được công bố. Luận cương nổi tiếng này đã chỉ ra phương hướng đấu tranh giải phóng các dân tộc thuộc địa, mở ra con đường giải phóng các dân tộc bị áp bức trên lập trường cách mạng vô sản. Với thắng lợi của Cách mạng Tháng Mười Nga và sự ra đời của Quốc tế Cộng sản, nhiều đảng cộng sản trên thế giới đã được thành lập.Tình hình thế giới đầy biến động đó đã ảnh hưởng mạnh mẽ đến Việt Nam.

Tình hình trong nước lúc bấy giờ dưới sự thống trị của thực dân Pháp. Trong quá trình xâm lược thuộc địa của chủ nghĩa tư bản phương Tây, người Pháp đã chú ý đến Việt Nam từ rất sớm. Từ năm 1858, thực dân Pháp bắt đầu tiến công quân sự để chiếm Việt Nam. Sau khi đánh chiếm được nước ta, thực dân Pháp thiết lập bộ máy thống trị thực dân và tiến hành những cuộc khai thác nhằm cướp đoạt tài nguyên, bóc lột nhân công rẻ mạt và mở rộng thị trường tiêu thụ hàng hóa. Về chính trị, một chế độ cai trị hà khắc được đặt ra thủ tiêu mọi quyền dân chủ của nhân dân Việt Nam, đàn áp các phong trào yêu nước của nhân dân ta. Thực hiện chính sách chia để trị chúng chia đất nước ta ra thành 3 kỳ: Bắc Kỳ, Trung Kỳ, Nam Kỳ, với mỗi kỳ chúng lại thực hiện một chế độ chính trị riêng. Về kinh tế, thực hiện chính sách độc quyền về kinh tế trên tất cả các ngành nông nghiệp, công nghiệp, thương nghiệp. Đặt ra nhiều thứ thuế vô lý (thuế thân, thuế chợ, thuế đò…). Duy trì phương thức sản xuất phong kiến lạc hậu nhằm mục đích bóc lột tối đa kìm hãm nền kinh tế của nước trong vòng lạc hậu. Chính sách khai thác thuộc địa của thực dân Pháp đã tạo nên sự chuyển biến của nền kinh tế Việt Nam. Quan hệ kinh tế nông thôn tự cung tự cấp bị phá vỡ, hình thành nên những đô thị mới, những trung tâm kinh tế và tụ điểm cư dân mới. Nhưng thực dân Pháp không du nhập một cách hoàn chỉnh phương thức tư bản chủ nghĩa vào nước ta, mà vẫn duy trì quan hệ kinh tế phong kiến. Chúng kết hợp hai phương thức bóc lột tư bản và phong kiến để thu lợi nhuận siêu ngạch. Chính vì thế, nước Việt Nam không thể phát triển lên chủ nghĩa tư bản một cách bình thường được, nền kinh tế Việt Nam bị kìm hãm trong vòng lạc hậu và phụ thuộc nặng nề vào kinh tế Pháp. Về văn hóa, - Thực dân Pháp thực hiện chính sách kìm hãm và nô dịch nhân dân ta về văn hoá gây tâm lý tự ty vong bản, giam hãm và đầu độc nhân dân ta trong bề tăm tối, làm cho nhân dân ta ngu để dễ bề cai trị. Các cuộc khai thác thuộc địa của thực dân Pháp ảnh hưởng mạnh mẽ đến tình hình xã hội Việt Nam. Sự phân hoá giai cấp diễn ra ngày càng sâu sắc hơn. Nếu trong xã hội phong kiến chỉ có hai giai cấp nông dân và địa chủ phong kiến, thì xã hội thuộc địa nửa phong kiến ngoài hai giai cấp trên còn xuất hiện nhiều giai cấp mới như: công nhân, tiểu tư sản, tư sản. Tóm lại, nước Việt Nam đã có những biến chuyển sâu sắc về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội. Việt Nam từ một xã hội phong kiến thuần tuý đã biến thành một xã hội thuộc địa. Trong lòng chế độ thuộc địa của thực dân Pháp ở Việt Nam đã hình thành những mâu thuẫn đan xen nhau. Từ mâu thuẫn như trên, đặt ra hai nhiệm vụ cách mạng: một là, phải đánh đuổi thực dân Pháp xâm lược, giành độc lập cho dân tộc, tự do cho nhân dân; hai là, xoá bỏ chế độ phong kiến, giành quyền dân chủ cho nhân dân, chủ yếu là ruộng đất cho nông dân. Trong đó, chống đế quốc, giải phóng dân tộc là nhiệm vụ hàng đầu. Từ đó, phong trào yêu nước diễn ra theo khuynh hướng phong kiến. Cuối thế  kỷ XIX, mặc dù triều đình phong kiến nhà Nguyễn ký các Hiệp ước Hácmăng (Harmand) năm 1883 và Patơnốt (Patenôtre) năm 1884, đầu hàng thực dân Pháp, song phong trào chống thực dân Pháp xâm lược vẫn diễn ra mạnh mẽ do tầng lớp quan lại, sĩ phu yêu nước lãnh đạo. Phong trào yêu nước theo khuynh hương Phong kiến với nhiều cuộc khởi nghĩa lớn diễn ra như: Phong trào Cần Vương (1885-1896), một phong trào đấu tranh vũ trang do vua Hàm Nghi và đại thần Tôn Thất Thuyết phát động, cuộc khởi nghĩa: Ba Đình của Phạm Bành và Đinh Công Tráng (1881-1887), Bãi Sậy của Nguyễn Thiện Thuật (1883-1892) và Hương Khê của Phan Đình Phùng (1885-1895). Cuộc khởi nghĩa nông dân Yên Thế do Hoàng Hoa Thám lãnh đạo. Thất bại của các cuộc khởi nghĩa này chứng tỏ sự bất lực của hệ tư tưởng phong kiến trong việc giải quyết nhiệm vụ giành độc lập dân tộc do lịch sử đặt ra. Bên cạnh các cuộc khởi nghĩa trên, đầu thế kỷ XX,phong trào yêu nước dưới sự lãnh đạo của các sĩ phu yêu nước theo hệ tư tưởng dân chủ tư sản cũng diễn ra sôi nổi như: Phong trào Đông du (1906- 1908), phong trào Đông kinh nghĩa thục (1907), phong trào Duy tân (1906- 1908), phong trào của Việt Nam quang phục hội (1912)… Về mặt phương pháp, tầng lớp sĩ phu lãnh đạo phong trào giải phóng dân tộc đầu thế kỷ XX có sự phân hóa thành hai xu hướng. Một bộ phận chủ trương đánh đuổi thực dân Pháp giành độc lập dân tộc, khôi phục chủ quyền quốc gia bằng biện pháp bạo động; một bộ phận khác lại coi cải cách là giải pháp để tiến tới khôi phục độc lập. Do những hạn chế về lịch sử, nên Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh, cũng như các sĩ phu cấp tiến lãnh đạo phong trào yêu nước đầu thế kỷ XX không thể tìm được một phương hướng giải quyết chính xác cho cuộc đấu tranh giải phóng của dân tộc, nên chỉ sau một thời kỳ phát triển đã bị kẻ thù dập tắt.Từ trong phong trào đấu tranh, các tổ chúc đảng phái cũng lần lượt ra đời đã thúc đẩy phong trào yêu nước chống Pháp phát triển mạnh mẽ : Đảng Lập hiến (1923), Đảng Thanh niên (1926), Đảng Thanh niên cao vọng (1926), Tân Việt cách mạng Đảng, Việt Nam quốc dân Đảng (1927). Nhìn chung, các phong trào yêu nước theo khuynh hướng dân chủ tư sản ở Việt Nam đã diễn ra liên tục, sôi nổi, lôi cuốn đông đảo quần chúng tham gia với những hình thức đấu tranh phong phú, thể hiện ý thức dân tộc, tinh thần chống đế quốc của giai cấp tư sản Việt Nam, nhưng cuối cùng đều thất bại vì giai cấp tư sản Việt Nam rất nhỏ yếu cả về kinh tế và chính trị nên không đủ sức giương cao ngọn cờ lãnh đạo sự nghiệp giải phóng dân tộc.  Mặc dù thất bại nhưng các phong trào yêu nước theo khuynh hướng dân chủ tư sản đã góp phần cổ vũ mạnh mẽ tinh thần yêu nước của nhân dân ta**. Nguyễn Ái Quốc chuẩn bị các điều kiện về chính trị, tư tưởng và tổ chức cho việc thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam** trong phong trào yêu nước theo khuynh hướng vô sản. **Về chính trị,** 1911 – 1917, Người nghiên cứu cách mạng Mỹ, cách mạng Pháp, nhưng Các cuộc CM này không đưa lại tự do bình đẳng cho người lao động. Năm 1917: tìm hiểu về CMT10 của Nga, tháng 7-1920: đọc bản Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa của Lênin. Tháng 12-1920: bỏ phiếu tán thành việc gia nhập Quốc tế Cộng sản và tham gia thành lập ĐCS Pháp. Người nhận ra rằng: Muốn cứu nước và giải phóng dân tộc không có con đường nào khác con đường cách mạng vô sản. **Về tư tưởng**, Nguyễn Ái Quốc Xúc tiến mạnh mẽ việc nghiên cứu lý luận giải phóng dân tộc theo học thuyết cách mạng vô sản của chủ nghĩa Mác – Lênin nhằm Tuyên truyền chủ nghĩa Mác – Lê nin vào nước ta. Năm 1921: Người làm chủ nhiệm kiêm chủ bút cho tờ báo Người cùng khổ (Le Paria), viết nhiều bài đăng trên các báo Người cùng, Nhân  đạo của ĐCS Pháp, Đời sống công nhân của Tổng LĐLĐ Pháp, tác phẩm Bản án chế độ thực dân Pháp để Tố cáo sự cai trị tàn bạo của thực dân Pháp ở ĐD. Thức tỉnh tinh thần đấu tranh GPDT ở các thuộc địa.. **Về tổ chức,** Người kiến nghị thành lập Ban Nghiên cứu thuộc địa thuộc ủy ban Trung ương ĐCS Pháp, Năm 1921: Cùng các chiến sĩ các mạng quốc tế lập ra Hội liên hiệp thuộc địa. Tháng 11-1924: Nguyễn Ái Quốc đến Quảng Châu (Trung Quốc) thành lập thành lập Hội Liên hiệp các dân tộc bị áp bức. Đến tháng 6-1925: Người thành lập Hội Việt Nam cách mạng thanh niên.

+Nội dung cơ bản của Cương lĩnh CM đầu tiên của Đảng (2/1930):

Các văn kiện được thông qua tại Hội nghị thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam như: Chánh cương vắn tắt của Đảng, Sách lược vắn tắt của Đảng, Chương trình tóm tắt của Đảng hợp thành Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng Cộng sản Việt Nam. Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng đề ra phương hướng chiến lược của cách mạng Việt Nam là Làm cách mạng tư sản dân quyền cách mạng và thổ địa cách mạng để đi tới xã hội cộng sản. Bên cạnh đó là nhấn mạnh nhiệm vụ của CM TSDQ và thổ địa cách mạng: Về chính trị, Đánh đổ thực dân Pháp và bọn phong kiến; giành độc lập dân tộc; về kinh tế, Tịch thu toàn bộ sản nghiệp lớn của Pháp; tịch thu toàn bộ ruộng đất của bọn đế quốc chia cho dân cày nghèo; Văn hóa – xã hội, Dân chúng được tự do tổ chức; nam nữ bình quyền, v.v; phổ thông giáo dục theo công nông hóa; Về lực lượng, giai cấp công nhân, nông dân; tiểu tư sản, trí thức, trung nông.v.v... lôi kéo phú nông, trung, tiểu địa chủ và tư bản An Nam. Bộ phận nào đã ra mặt phản cách mạng thì phải đánh đổ; Giai cấp vô sản là lực lượng lãnh đạo cách mạng Việt Nam. Đảng là đội tiên phong của giai cấp vô sản; về quan hệ của cách mạng, cách mạng VN là một bộ phận của CM thế giới, phải thực hành liên lạc với các dân tộc bị áp bức và giai cấp vô sản thế giới, nhất là giai cấp vô sản Pháp.

**2. Chủ trương chuyển hướng chỉ đạo chiến lược CM của Đảng trong thời kì 1939-1941 và sự chỉ đạo sáng tạo của Đảng trong việc xây dựng lực lượng, nắm thời cơ, phát động tổng khởi nghĩa, giành chính quyền trong CMT8 1945**

***Tình hình thế giới*** Tháng 9- 1939, chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ. Phát xít Đức lần lượt chiếm các nước châu âu. Đế quốc Pháp lao vào vòng chiến. Chính phủ Pháp đã thi hành biện pháp đàn áp lực lượng dân chủ ở trong nước và phong trào cách mạng ở thuộc địa. Mặt trận nhân dân Pháp tan vỡ. Đảng cộng sản Pháp bị đặt ra khỏi vòng pháp luật. ***Tình hình trong nước*** Ở Đông Dương thực dân Pháp thi hành chính sách thời chiến rất phản động. Chúng phát xít hóa bộ máy thống trị, thẳng tay đàn áp phong trào cách mạng của nhân dân ta, tập trung lực lượng đánh vào Đảng cộng sản Đông Dương.Trước tình hình mới, Đảng đã rút vào hoạt động bí mật và chuyển trọng tâm công tác về nông thôn, phát triển cơ sở cách mạng ở nông thôn, đồng thời cũng rất chú trọng ở thành thị. ***Nội dung chuyển hướng chỉ đạo chiến lược của Đảng*** Kể từ khi Chiến tranh thế giới lần thứ hai bùng nổ, Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã họp ba Hội nghị Trung ương  -Hội nghị lần thứ sáu (11-1939): +Hội nghị xác định mâu thuẫn gay gắt giữa đế quốc và các dân tộc Đông Dương +Dự báo Nhật sẽ vào Đông Dương và Pháp sẽ đầu hàng Nhật. +Xác định mục tiêu trước mắt là đánh đổ đế quốc, tay sai, làm cho Đông Dương được độc lập. Tạm gác khẩu hiệu cách mạng ruộng đất. Quyết định thành lập Mặt trận thống nhất dân tộc phản đế Đông Dương -Hội nghị lần thứ bảy (11-1940): +Duy trì lực lượng vũ trang Bắc Sơn, thành lập những đội du kích. +Chỉ thị cho Xứ ủy Nam Kỳ hoãn ngay cuộc khởi nghĩa. -Hội nghị lần thứ tám (5-1941) : +Hội nghị khẳng định nhiệm vụ trước mắt của cách mạng là giải phóng dân tộc +Quyết định thành lập Mặt trận Việt Minh để đoàn kết, tập hợp lực lượng cách mạng nhằm mục tiêu giải phóng dân tộc. +Xác định hình thái của cuộc khởi nghĩa nước ta là đi từ khởi nghĩa từng phần để tiến lên tổng khởi nghĩa. Xúc tiến thành lập lực lượng vũ trang. ***Ý nghĩa của sự chuyển hướng chỉ đạo chiến lược***

Với tinh thần độc lập, tự chủ, sáng tạo, Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã hoàn chỉnh sự chuyển hướng chỉ đạo chiến lược nhằm giải quyết mục tiêu số một của cách mạng là độc lập dân tộc và đề ra nhiều chủ trương đúng đắn để thực hiện mục tiêu ấy.

Đường lối giương cao ngọn cờ giải phóng dân tộc, đặt nhiệm vụ giải phóng dân tộc lên hàng đầu, tập hợp rộng rãi mọi người Việt Nam yêu nước trong Mặt trận Việt Minh, xây dựng lực lượng chính trị của quần chúng ở cả nông thôn và thành thị, xây dựng căn cứ địa cách mạng và lực lượng vũ trang, là ngọn cờ dẫnđường cho nhân dân ta tiến lên giành thắng lợi trong sự nghiệp đánh Pháp, đuổi Nhật, giành độc lập cho dân tộc và tự do cho nhân dân.

Sau Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương (tháng 5-1941), Nguyễn Ái Quốc gửi thư kêu gọi đồng bào cả nước đoàn kết thống nhất đánh đuổi Pháp – Nhật. Người nhấn mạnh: “Trong lúc này quyền lợi dân tộc giải phóng cao hơn hết thảy*.* Chúng ta phải đoàn kết lại đánh đổ bọn đế quốc và bọn Việt gian đặng cứu giống nòi ra khỏi nước sôi lửa nóng”.

Thực hiện Nghị quyết của Đảng và lời kêu gọi của Nguyễn Ái Quốc, các cấp bộ đảng và Mặt trận Việt Minh đã tích cực xây dựng các tổ chức cứu quốc của quần chúng, đẩy nhanh việc phát triển lực lượng chính trị và phong trào đấu tranh của quần chúng. Ngày 25-10-1941, Mặt trận Việt Minh tuyên bố ra đời. Mặt trận Việt Minh đã công bố 10 chính sách vừa ích nước vừa lợi dân, nên được nhân dân nhiệt liệt hưởng ứng. Từ đầu nguồn cách mạng Pác Bó, Việt Minh đã lan tỏa khắp nông thôn, thành thị, có hệ thống từ trung ương đến cơ sở.

Trên cơ sở lực lượng chính trị của quần chúng, Đảng đã chỉ đạo việc vũ trang cho quần chúng cách mạng, từng bước tổ chức, xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân.Từ các đội du kích bí mật, các đội Cứu quốc quân, Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân đã thành lập Việt Nam giải phóng quân*.* Đảng chỉ đạo việc lập các chiến khu và căn cứ địa cách mạng, tiêu biểu là căn cứ Bắc Sơn – Vũ Nhai và căn cứ Cao Bằng. Công việc chuẩn bị khởi nghĩa vũ trang diễn ra sôi nổi ở các khu căn cứ và khắp các địa phương trong cả nước, đã cổ vũ và thúc đẩy mạnh mẽ phong trào cách mạng quần chúng vùng lên đấu tranh giành chính quyền.

***Phát động Tổng khởi nghĩa giành chính quyền***

- Tình hình thế giới và chủ trương của Đảng

Chiến tranh thế giới lần thứ hai bước vào giai đoạn kết thúc. Ngày 9-5-1945, phátxít Đức đầu hàng không điều kiện. Ở châu Á, phátxít Nhật đang đi gần đến chỗ thất bại hoàn toàn. Trước sự phát triển hết sức nhanh chóng của tình hình, theo đề nghị của đồng chí Nguyễn Ái Quốc, Trung ương quyết định họp Hội nghị toàn quốc của Đảng tại Tân Trào (Tuyên Quang).

*-* Cách mạng Tháng Tám

Ngay sau Đại hội, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã gửi thư kêu gọi đồng bào và chiến sĩ cả nước: “Giờ quyết định cho vận mệnh dân tộc ta đã đến. Toàn quốc đồng bào hãy đứng dậy đem sức ta mà tự giải phóng cho ta”.

Dưới dự lãnh đạo của Đảng, hơn 20 triệu nhân dân ta đã nhất tề vùng dậy khởi nghĩa giành chính quyền. Từ ngày 14-8-1945, các đơn vị giải phóng quân đã liên tiếp hạ nhiều đồn Nhật thuộc các tỉnh Cao Bằng, Bắc Cạn, Thái Nguyên, Tuyên Quang, Yên Bái và hỗ trợ quần chúng tiến lên giành chính quyền. Ngày 18-8-1945, nhân dân các tỉnh Bắc Giang, Hải Dương, Phú Yên, Thái Bình, Thanh Hóa, Hà Tĩnh, Quảng Nam và Khánh Hòa giành chính quyền ở tỉnh lỵ.

Ngày 19-8-1945, dưới sự lãnh đạo của Thành ủy Hà Nội, hàng chục vạn quần chúng sau khi dự míttinh, đã rầm rộ xuống đường biểu tình, tuần hành và mau chóng tỏa đi các hướng chiếm Phủ Khâm sai, Toà Thị chính, Trại lính bảo an, Sở Cảnh sát và các công sở của chính quyền bù nhìn. Trước khí thế áp đảo của quần chúng khởi nghĩa hơn một vạn quân Nhật ở Hà Nội tê liệt, không dám chống cự. Chính quyền về tay nhân dân.

Thắng lợi của cuộc khởi nghĩa ở Hà Nội ngày 19-8 có ý nghĩa quyết định đối với cả nước, làm cho chính quyền tay sai Nhật ở các nơi bị tê liệt, cổ vũ mạnh mẽ nhân dân các tỉnh, thành phố khác nổi dậy khởi nghĩa giành chính quyền.

Ngày 23-8-1945, khởi nghĩa giành thắng lợi ở Huế, ngày 25-8-1945, khởi nghĩa giành thắng lợi ở Sài Gòn. Chỉ trong vòng 15 ngày (từ ngày 14 đến ngày 28-8-1945) cuộc tổng khởi nghĩa đã thành công trên cả nước, chính quyền về tay nhân dân.

Ngày 2-9-1945, tại cuộc míttinh lớn ở Quảng trường Ba Đình, Hà Nội, thay mặt Chính phủ lâm thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh trịnh trọng đọc bản Tuyên ngôn độc lập*,* tuyên bố với quốc dân đồng bào, với toàn thế giới: Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra đời.

***Kết quả và ý nghĩa:***

- Thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám đã đập tan xiếng xích nô lệ của thực dân Pháp trong gần một thế kỷ, lật nhào chế độ quân chủ hàng mấy nghìn năm và ách thống trị của phátxít Nhật, lập nên nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, nhà nước dân chủ nhân dân đầu tiên ở Đông Nam Á. Nhân dân Việt Nam từ thân phận nô lệ trở thành người làm chủ đất nước, làm chủ xã hội.

- Thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám đánh dấu bước phát triển nhảy vọt của lịch sử dân tộc Việt Nam, đưa dân tộc ta bước vào một kỷ nguyên mới: Kỷ nguyên độc lập tự do.

- Với thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám, Đảng và nhân dân ta đã góp phần làm phong phú thêm kho tàng lý luận của chủ nghĩa Mác-Lênin, cung cấp thêm nhiều kinh nghiệm quý báu cho phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc và giành chính quyền dân chủ.

- Cách mạng Tháng Tám thắng lợi đã cổ vũ mạnh mẽ nhân dân các nước thuộc địa và nửa thuộc địa đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc, thực dân giành độc lập tự do.

Đánh giá ý nghĩa của Cách mạng Tháng Tám, Chủ tịch Hồ Chí Minh chỉ rõ: “Chẳng những giai cấp lao động và nhân dân Việt Nam ta có thể tự hào, mà giai cấp lao động và những dân tộc bị áp bức nơi khác cũng có thể tự hào rằng: lần này là lần đầu tiên trong lịch sử cách mạng của các dân tộc thuộc địa và nửa thuộc địa, một Đảngmới 15 tuổi đã lãnh đạo cách mạng thành công, đã nắm chính quyền toàn quốc”. **Nguyên nhân thắng lợi:**  + Kẻ thù trực tiếp là phát xít Nhật bị quân Đồng Minh đánh bại + Đảng đã chuẩn bị lực lượng vĩ đại, huy động được sức mạnh của toàn dân tộc+ Đảng có đường lối đúng đắn, dày dặn kinh nghiệm đấu tranh, chớp đúng thời cơ, kiên quyết, khôn khéo, biết tạo nên sức mạnh tổng hợp.**3. Nội Dung cơ bản của Đường Lối kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược và can thiệp Mỹ (1945-1954) và qúa trình hình thành, phát triển và nội dung cơ bản đường lối CM miền Nam (1954-1975)**+Nội Dung cơ bản của Đường Lối kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược và can thiệp Mỹ (1945-1954):

Về hoàn cảnh lịch sử,ngay trong quá trình đàm phán ở hội nghị giữa ta và Pháp đang diễn ra ở Phôngtennobô, Pháp đã mở rộng chiến tranh ra nhiều nơi. Ở chiến trường Nam Bộ, Nam Trung Bộ, địch liên tục tiến công chiếm đóng vùng giải phóng. Tại miền Bắc, tháng 11-1946, chúng ta đánh chiếm Hải Phòng, Lạng Sơn. Ngày 18 và 19-12-1946, thực dân Pháp đã liên tiếp gửi tối hậu thư đòi ta phải phá bỏ công sự trong thành phố và đòi để chúng kiểm soát, giữ gìn trật tự Hà Nội. Chúng tuyên bố sẽ hành động bằng sức mạnh quân sự nếu ta không thực hiện các yêu sách đó. Tình hình vô cùng khẩn cấp, đòi hỏi ta phải đứng lên.Ngày 18, 19 tháng 12-1946. Ban Thường vụ Trung ương Đảng họp do Chủ tịch Hồ Chí Minh chủ trì đã nhận định tình hình và chỉ thị cho các địa phương “Tất cả hãy sẵn sang”. Chiều 19-12, Bộ trưởng Quốc phòng Võ Nguyên Giáp ra lệnh cho các đơn vị vũ trang sẵn sàng chiến đấu theo thời gian đã quy định. 20 giờ ngày 19-12-1946, mệnh lệnh chiến đấu bắt đầu. Quân dân Thủ đô đã nổ súng mở đầu cuộc kháng chiến chống Pháp trong toàn quốc.Đường lối toàn quốc kháng chiến của Đảng được thể hiện tập trung trong ba văn kiện lớn: “Văn kiện Toàn dân kháng chiến của Trung ương Đảng”, “Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến của Hồ Chí Minh”, “Tác phẩm Kháng chiến nhất định phải thắng lợi của Trường Chinh” được soạn thảo và công bố sát trước và sau ngày cuộc kháng chiến toàn quốc bùng nổ với nội dung: Mục đích kháng chiến: “Đánh phản động thực dân Pháp xâm lược; giành thống nhất và độc lập”; về tính chất kháng chiến: : “Chiến tranh cách mạng của nhân dân, chiến tranh chính nghĩa.”, “Là một cuộc chiến tranh tiến bộ vì tự do, độc lập, dân chủ và hòa bình”; phương châm tiến hành kháng chiến: Tiến hành cuộc chiến tranh nhân dân, thực hiện kháng chiến toàn dân, toàn diện, lâu dài, dựa vào sức mình là chính, trong đó, *kháng chiến toàn dân* là “Bất kỳ đàn ông, đàn bà không chia tôn giáo, đảng phái, dân tộc, bất kỳ người già, người trẻ. Hễ là người Việt Nam phải đứng lên đánh thực dân Pháp”, *kháng chiến toàn diện*: Đánh địch về mọi mặt: chính trị, quân sự, kinh tế, văn hóa, ngoại giao và kháng chiến lâu dài là để chống âm mưu đánh nhanh, thắng nhanh của Pháp, *Dựa vào sức mình là chính:* “Phải tự cấp, tự túc về mọi mặt”, vì ta chưa được nước nào giúp đỡ nên phải tự lực cánh sinh; cuối cùng là triển vọng kháng chiến: Mặc dù lâu dài, gian khổ, khó khăn, song nhất định thắng lợi. Đường lối kháng chiến của Đảng với những nội dung cơ bản như trên là đúng đắn và sáng tạo, vừa kế thừa được kinh nghiệm của tổ tiên, đúng với các nguyên lý về chiến tranh cách mạng của chủ nghĩa Mác-Lênin, vừa phù hợp với thực tế đất nước lúc bấy giờ. Đường lối kháng chiến của Đảng được công bố sớm đã có tác dụng đưa cuộc kháng chiến nhanh chóng đi vào ổn định và phát triển đúng hướng, từng bước đi tới thắng lợi vẻ vang. Tháng 1-1948, Hội nghị trung ương Đảng mở rộng đã đề ra nhiệm vụ và biện pháp về quân sự, chính trị, văn hóa nhằm thúc đẩy cuộc kháng chiến, phát động phong trào thi đua yêu nước xây dựng hậu phương vững mạnh về mọi mặt. Tháng 1-1950, Hội nghị toàn quốc của Đảng chủ trương gấp rút hoàn thành nhiệm vụ chuẩn bị chuyển mạnh sang tổng phản công… Thực hiện đường lối kháng chiến của Đảng, từ năm 1947 đến năm 1950, Đảng đã tập trung chỉ đạo cuộc chiến đấu giam chân địch trong các đô thị, củng cố các vùng tự do lớn, đánh bại cuộc hành quân lớn của địch lên Việt Bắc; lãnh đạo đẩy mạnh xây dựng hậu phương, tìm cách chống phá thủ đoạn “lấy chiến tranh nuôi chiến tranh, dùng người Việt đánh người Việt” của thực dân Pháp. Thắng lợi của chiến dịch Biên Giới cuối năm 1950 đã giáng một đòn nặng nề vào ý chí xâm lược của địch, quân ta giành được quyền chủ động chiến lược trên chiến trường chính Bắc Bộ.

+Qúa trình hình thành, phát triển và nội dung cơ bản đường lối CM miền Nam (1954-1975):

• Đường lối trong giai đoạn 1954 – 1964:

Về bối cảnh lịch sử của cách mạng Việt Nam sau tháng 7 – 1954, sau Hội nghị Giơnevơ, cách mạng Việt Nam vừa có những thuận lợi mới vừa đứng trước nhiều khó khăn, phức tạp. Về thuận lợi: Hệ thống xã hội chủ nghĩa tiếp tục lớn mạnh về kinh tế, quân sự, khoa học – kỹ thuật, nhất là của Liên Xô; phong trào giải phóng dân tộc tiếp tục phát triển ở châu Á, châu Phi và khu vực Mỹ Latinh; phong trào hòa bình, dân chủ lên cao ở các nước tư bản; miền Bắc được hoàn toàn giải phóng, làm căn cứ địa chung cho cả nước; thế lực của cách mạng đã lớn mạnh hơn sau chín năm kháng chiến; có ý chí độc lập thống nhất Tổ quốc của nhân dân từ Bắc chí Nam. Bên cạnh đó là những khó khăn: Đế quốc Mỹ có tiềm lực kinh tế, quân sự hùng mạnh, âm mưu làm bá chủ thế giới với các chiến lược toàn cầu phản cách mạng; thế giới bước vào thời kỳ chiến tranh lạnh, chạy đua vũ trang giữa hai phe XHCN và TBCN; xuất hiện sự bất động trong hệ thống xã hội chủ nghĩa, nhất là giữa Liên Xô và Trung Quốc; đất nước ta bị chia làm hai miền, kinh tế miền Bắc nghèo nàn, lạc hậu, miền Nam trở thành thuộc địa kiểu mới của Mỹ và đế quốc Mỹ trở thành kẻ thù trực tiếp của nhân dân ta.

Trước tình hình mới của đất nước và thế giới đòi hỏi Đảng phải vạch ra đường lối đúng đắn, vừa phù hợp với tình hình của mỗi miền, tình hình cả nước vừa phù hợp với xu thế chung của thời đại. Trong Hội nghị Trung ương 6 khóa II (tháng 7 – 1954), Đảng phân tích tình hình cách mạng nước ta, xác định đế quốc Mỹ là kẻ thù chính của nhân dân Việt Nam. Hội nghị Bộ Chính trị tháng 9 năm 1954, đưa ra nghị quyết về tình hình mới, nhiệm vụ mới và chính sách mới của Đảng. Chỉ ra những đặc điểm chủ yếu của cách mạng VN sang giai đoạn mới: từ chiến tranh chuyển sang hòa bình; nước nhà tạm chia làm hai miền... Vào Hội nghị Trung ương lần 7 (tháng 3 – 1955) và lần 8 (tháng 8 – 1955), Đảng ra quyết định tiến hành củng cố miền Bắc, đồng thời giữ vững và đẩy mạnh cuộc đấu tranh của nhân dân miền Nam. Tháng 12 năm 1957, Đảng họp Hội nghị Trung ương lần 13 đưa miền Bắc tiến dần lên CNXH. Tiếp tục đấu tranh để thực hiện thống nhất nước nhà bằng con đường hoà bình. Tháng 1 năm 1959, Hội nghị Trung ương lần thứ 15 diễn ra. Sau nhiều lần họp và thảo luận, Ban Chấp hành Trung ương đã ra nghị quyết về cách mạng miền Nam. Cách mạng gồm hai nhiệm vụ chiến lược: Cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc và Cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam với Nhiệm vụ của CM ở miền Nam là “giải phóng miền Nam khỏi ách thống trị của ĐQ và PK, thực hiện độc lập dân tộc và người cày có ruộng, hoàn thành CM DTDC ở miền Nam; con đường phát triển của CM ở MN là khởi nghĩa giành chính quyền về tay nhân dân”. “lấy sức mạnh của quần chúng, dựa vào lực lượng chính trị của quần chúng là chủ yếu, kết hợp với lực lượng vũ trang để đánh đổ quyền thống trị của ĐQ và PK, dựng lên chính quyền CM của nhân dân”. Tuy vậy, cần thấy rằng CM ở MN vẫn có khả năng hòa bình phát triển, “Khả năng đó hiện nay rất ít, song Đảng ta không gạt bỏ khả năng đó, mà cần ra sức tranh thủ khả năng đó”. Nghị quyết Hội nghị lần thứ 15 có ý nghĩa lịch sử to lớn, chẳng những đã mở đường cho cách mạng miền Nam tiến lên, mà còn thể hiện rõ bản lĩnh độc lập tự chủ, sáng tạo của Đảng trong những năm tháng khó khăn của cách mạng. Đến Đại hội III tháng 9 năm 1960 đã hoàn chỉnh đường lối chiến lược chung của cách mạng Việt Nam trong giai đoạn mới. Cụ thể là nhiệm vụ chung: Tăng cường đoàn kết toàn dân, kiên quyết đấu tranh giữ vững hòa bình, đẩy mạnh cách mạng XHCN ở miền Bắc, đồng thời đẩy mạnh cách mạng DTDC nhân dân ở miền Nam; nhiệm vụ chiến lược: tiến hành cách mạng XHCN ở miền Bắc và giải phóng miền Nam khỏi ách thống trị của đế quốc Mỹ và bọn tay sai; với mối quan hệ của cách mạng hai miền mật thiết với nhau và có tác dụng thúc đẩy lẫn nhau; khẳng định vai trò, nhiệm vụ của cách mạng mỗi miền Cách mạng XHCN ở miền Bắc giữ vai trò quyết định nhất đối với sự phát triển của toàn bộ cách mạng Việt Nam. CM DTDCND ở miền Nam giữ vai trò quyết định trực tiếp đối với sự nghiệp giải phóng miền Nam; bên cạnh đó là con đường thống nhất đất nước mỗi miền, Đảng kiên trì con đường hòa bình thống nhất theo tinh thần Hiệp nghị Giơnevơ, nhưng kiên quyết đấu tranh bảo vệ độc lập, thống nhất; nhận định triển vọng của cách mạng ở mỗi miền là Cuộc đấu tranh thống nhất nước nhà là một quá trình đấu tranh cách mạng gay go, gian khổ, phức tạp và lâu dài song nhất định sẽ thắng lợi.

• Đường lối trong giai đoạn 1965 – 1975:

Trong bối cảnh lịch sử Từ đầu năm 1965, để cứu vãn nguy cơ sụp đổ của chế độ Sài Gòn và sự phá sản của chiến lược “Chiến tranh đặc biệt”, đế quốc Mỹ đã ào ạt đưa quân Mỹ và quân các nước chư hầu vào miền Nam, tiến hành cuộc “Chiến tranh cục bộ” với quy mô lớn; đồng thời dùng không quân, hải quân hùng hổ tiến hành cuộc chiến tranh phá hoại đối với miền Bắc. Trước tình hình đó, Đảng ta quyết định phát động cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước trên phạm vi toàn quốc. Về thuận lợi: khi bước vào cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, miền Bắc, kế hoạch 5 năm lần thứ nhất đã đạt và vượt các mục tiêu về kinh tế, văn hóa. Sự chi viện sức người, sức của của miền Bắc cho cách mạng miền Nam được đẩy mạnh cả theo đường bộ và đường biển. Ở miền Nam, vượt qua những khó khăn trong những năm 1961-1962, từ năm 1963, cuộc đấu tranh của quân dân ta đã có bước phát triển mới. Đến đầu năm 1965, chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” của đế quốc Mỹ được triển khai đến mức cao nhất đã cơ bản bị phá sản. Về khó khăn: Sự bất đồng giữa Liên Xô và Trung Quốc càng trở nên gay gắt và không có lợi cho cách mạng Việt Nam. Việc đế quốc Mỹ mở cuộc “Chiến tranh cục bộ”, ồ ạt đưa quân đội viễn chinh Mỹ và các nước chư hầu vào trực tiếp xâm lược miền Nam đã làm cho tương quan lực lượng trở nên bất lợi cho ta.

Quá trình hình thành và nội dung đường lối: Các Hội nghị BCT đầu năm 1961, 1962 nêu chủ trương giữ vững và phát triển thế tiến công, đưa cách mạng miền Nam từ khởi nghĩa từng phần phát triển thành chiến tranh cách mạng trên quy mô toàn miền. Tháng 11 năm 1963, Hội nghị Trung ương lần 9 diễn ra khẳng định đấu tranh chính trị, đấu tranh vũ trang đi đôi, cả hai đều có vai trò quyết định cơ bản, đồng thời nhấn mạnh yêu cầu mới của đấu tranh vũ trang. Hội nghị Trung ương lần thứ 11 (3- 1965) và lần thứ 12 (12-1965) nhận định tình hình và chủ trương chiến lược: Cuộc “Chiến tranh cục bộ” mà Mỹ đang tiến hành ở MN vẫn là một cuộc chiến tranh xâm lược thực dân mới. Quyết định phát động cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước trong toàn quốc; Quyết tâm thực hiện mục tiêu chiến lược: Bảo vệ MB, giải phóng MN, hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trong cả nước. Về phương châm chỉ đạo chiến lược: Tiếp tục và đẩy mạnh cuộc chiến tranh nhân dân (CTND) chống chiến tranh cục bộ của Mỹ, đồng thời phát động CTND chống chiến tranh phá hoại của Mỹ ở MB. Hội nghị nêu Tư tưởng chỉ đạo và phương châm đấu tranh ở miền Nam: Giữ vững và phát triển thế tiến công, kiên quyết tiến công và liên tục tiến công. “Tiếp tục kiên trì phương châm đấu tranh quân sự kết hợp với đấu tranh chính trị”, còn về tư tưởng chỉ đạo đối với miền Bắc: Xây dựng miền Bắc vững mạnh về kinh tế và quốc phòng. Chi viện cho miền Nam. Cùng với đó là nhiệm vụ và mối quan hệ giữa cuộc chiến đấu ở hai miền: Miền Nam là tiền tuyến lớn, miền Bắc là hậu phương lớn. Hai nhiệm vụ trên đây không tách rời nhau, mà mật thiết gắn bó nhau.

**4. Trình bày quá trình đổi mới tư duy của Đảng về công nghiệp hóa từ ĐH VI dến ĐH X.**

**Quá trình đổi mới tư duy về công nghiệp hoá**

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng (tháng 12-1986) với tinh thần “nhìn thẳng vào sự thật, đánh giá đúng sự thật, nói rõ sự thật, mà trực tiếp là mười năm, từ 1975 đến 1985. **ĐẠI HỘI VI (12-1986)** -Nghiêm khắc chỉ ra những sai lầm trong nhận thức và chủ trương CNH. +Chúng ta đã phạm sai lầm trong việc xác *định mục tiêu và bước đi* về xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật, cải tạo XHCN và quản lý kinh tế. +Không thực hiện nghiêm chỉnh NQ của ĐH lần thứ V +Không kết hợp chặt chẽ ngay từ đầu công nghiệp với nông nghiệp thành một cơ cấu hợp lý, thiên về xây dựng công nghiệp nặng và những công trình quy mô lớn ⇨Thực hiện ba chương trình kinh tế lớn -Lương thực – thực phẩm -Hàng tiêu dùng -Hàng xuất khẩu **HỘI NGHỊ TƯ 7 KHÓA VII (1-1994)**

-Đã có bước đột phá mới trong nhận thức về khái niệm CNH, HĐH. +CNH, HĐH là quá trình chuyển đổi căn bản, toàn diện các hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ và quản lý kinh tế - xã hội, từ sử dụng sức lao động thủ công là chính sang sử dụng một cách phổ biến sức lao động với công nghệ, phương tiện, phương pháp tiên tiến hiện đại, dựa trên sự phát triển của công nghiệp và tiến bộ khoa học công nghệ, tạo ra năng suất lao động xã hội ca**ĐẠI HỘI VIII CỦA ĐẢNG (6-1996)** -Nước ta đã ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội. +Nhận định: nhiệm vụ đề ra cho chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ là chuẩn bị tiền đề cho CNH đã cơ bản hoàn thành và chuyển sang thời kỳ mới đẩy mạnh CNH, HĐH đất nước. **ĐẠI HỘI IX (4-2001) ĐẠI HỘI X (4-2006) -**Bổ sung và nhấn mạnh một số điểm mới về con đường CNH rút ngắn ở nước ta, về CNH, HĐH gắn với kinh tế tri thức, CNH, HĐH và phát triển nhanh, bền vững. **ĐẠI HỘI XI (11-1-2011)** -Bổ sung nhằm phát triển công nghiệp và xây dựng theo hướng hiện đại, tiếp tục tạo nền tảng cho một nước công nghiệp và nâng cao khả năng độc lập, tự chủ của nền kinh tế.*+Cơ cấu lại, xây dựng nền công nghiệp* theo hướng phát triển mạnh những ngành có tính nền tảng, có lợi thế so sánh và có ý nghĩa chiến lược đối với sự phát triển nhanh, hiệu quả, bền vững, nâng cao tính độc lập, tự chủ của nền kinh tế.*+Ưu tiên phát triển công nghiệp phục vụ nông nghiệp và nông thôn,* đặc biệt là CN sản xuất trang thiết bị, máy móc làm đất, thu hoạch, bảo quản, chế biến sản phẩm nông - lâm - thuỷ sản, sản phẩm xuất khẩu…*+Phát triển mạnh công nghiệp xây dựng* và phát triển hợp lý công nghiệp sử dụng nhiều lao động, góp phần chuyển dịch nhanh cơ cấu lao động. *+Phát triển năng lực nghiên cứu, thiết kế, chế tạo* các sản phẩm công nghiệp có công nghệ tiên tiến, giá trị gia tăng cao, nhất là các máy điều khiển kỹ thuật số, hệ thống tự động hoá, có khả năng xuất khẩu, thay thế nhập khẩu, nâng cao tỉ lệ nội địa hoá sản phẩm....*+Bố trí hợp lý công nghiệp trên các vùng; phát huy hiệu quả các khu, cụm công nghiệp hiện có* và đẩy mạnh phát triển công nghiệp theo hình thức cụm, nhóm sản phẩm tạo thành các tổ hợp công nghiệp quy mô lớn, hiệu quả cao; đẩy mạnh việc xây dựng các khu công nghệ cao… **5. Quá trình hình thành Đường Lối kinh tế thị trường định hướng XHCN. Trình bày những quan điểm của Đảng tại ĐH X (4/2006) về định hướng XHCN trong phát triển KTTT ở nước ta.**

+ Quá trình hình thành Đường Lối kinh tế thị trường định hướng XHCN:

Có thể khái quát nền kinh tế nước ta trước đổi mới bằng công thức: Công hữu, kế hoạch hóa, phi thị trường hay còn gọi là thể chế kinh tế kế hoạch hoá tập trung quan liêu bao cấp. Nguyên nhân hình thành thể chế: về nguyên nhân bên trong: miền Bắc đi lên CNXH từ một nền kinh tế tự cung, tự cấp còn phổ biến, kinh tế hàng hóa phát triển còn rất sơ khai, lại trải qua chín năm kháng chiến chống pháp đã hình thành một hệ thống phân phối bằng hiện vật cho cán bộ chiến sĩ, về nguyên nhân bên ngoài: là sự du nhập cơ chế kế hoạch hóa tập trung bao cấp vốn được hình thành từ Liên Xô trước đây, rồi sau đó được phổ biến trong toàn bộ hệ thống XHCN. Về nhu cầu đổi mới cơ chế quản lý, nhằm thoát khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội, chúng ta đã có những bước cải tiến nền kinh tế theo hướng thị trường, tuy nhiên còn chưa toàn diện, chưa triệt để. Tại Hội nghị Trung ương 6 khóa IV (tháng 9 – 1979) đã thừa nhận quyền được bán nông sản của nông dân theo giá thỏa thuận khi đã hoàn thành nghĩa vụ đối với nhà nước, cần phải kết hợp kế hoạch hóa với thị trường, kết hợp đúng đắn giữa lợi ích nhà nước, tập thể và cá nhân người lao động và cho phép địa phương tiến hành xuất nhập khẩu...

Tóm lại: Những điều chỉnh đường lối nêu trên của Đảng đã tạo ra hình thái song song tồn tại giữa kinh tế công hữu kế hoạch hóa với kinh tế phi công hữu và thị trường tự do. Đây cũng chính là đặc trưng của quá trình manh nha thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam.Vì vậy, vấn đề cốt lõi cho sự xác lập thể chế kinh tế mới là phải xóa bỏ cơ chế hai giá, hai loại thị trường và chế độ lương hiện vật đang gây khó khăn cho quản lý kinh tế.

+ Những quan điểm của Đảng tại ĐH X (4/2006) về định hướng XHCN trong phát triển KTTT ở nước ta:

Về mục đích phát triển của KTTT định hướng XHCN ở nước ta: Thực hiện “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh"; nâng cao đời sống nhân dân; đẩy mạnh xóa đói giảm nghèo, khuyến khích mọi người vươn lên làm giàu chính đáng... Về phương hướng phát triển: phát triển nền kinh tế với nhiều hình thức sở hữu, nhiều thành phần kinh tế. kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo. Về định hướng xã hội và phân phối: Thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội. Gắn kết chặt chẽ và đồng bộ với phát triển XH, văn hóa, giáo dục và đào tạo. Còn về quản lý thì phát huy vai trò làm chủ XH của nhân dân, bảo đảm vai trò quản lý, điều tiết nền kinh tế của Nhà nước.

**6. Mục tiêu, quan điểm và chủ trương của Đảng về xây dựng hệ thống chính trị thời kì đổi mới.** Mục tiêu và quan điểm xây dựng hệ thống chính trị **Mục tiêu:**

Mục tiêu chủ yếu của đổi mới hệ thống chính trị là nhằm thực hiện tốt hơn dân chủ xã hội chủ nghĩa, phát huy đầy đủ quyền làm chủ của nhân dân. Toàn bộ tổ chức và hoạt động của hệ thống chính trị ở nước ta trong giai đoạn mới là nhằm xây dựng và hoàn thiện nền dân chủ xã hội chủ ngthĩa, bảo đảm quyền lực thuộc về nhân dân.

**Quan điểm:** -Một là, kết hợp chặt chẽ ngay từ đầu đổi mới kinh tế với đổi mới chính trị, lấy đổi mới kinh tế làm trọng tâm, từng bước đổi mới chính trị. -Hai là, đổi mới phương thức hoạt động của hệ thống chính trị là nhằm tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng, hiệu lực của nhà nước, phát huy quyền làm chủ của nhân dân, làm cho hệ thống chính trị hoạt động năng động hơn, có hiệu quả hơn, phù hợp với đường lối đổi mới toàn diện, đồng bộ, phù hợp với yêu cầu của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và yêu cầu hội nhập quốc tế.

-Ba là, đổi mới hệ thống chính trị một cách toàn diện, đồng bộ, có kế thừa, có bước đi, hình thức và cách làm phù hợp. -Bốn là, đổi mới các quan hệ giữa các bộ phận cấu thành của hệ thống chính trị với nhau và với xã hội, nhằm tạo ra sự vận động cùng chiềutheo hướng tác động, thúc đẩy xã hội phát triển, phát huy quyền làm chủ của nhân dân.

***Chủ trương xây dựng hệ thống chính trị***

*-*Xây dựng Đảng trong hệ thống chính trị:

Trọng tâm của đổi mới hệ thống chính trị là đổi mới tổ chức và phương thức lãnh đạo của các bộ phận cấu thành hệ thống. Trong đổi mới phương thức hoạt động của hệ thống chính trị, thì vấn đề mấu chốt và cũng khó khăn nhất là đổi mới phương thức hoạt động của Đảng, phải khắc phục được cả hai khuynh hướng thường xẩy ra trong thực tế là Đảng bao biện, làm thay, hoặc là buông lỏng sự lãnh đạo của Đảng.

- Xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa.

Xây dựng cơ chế vận hành của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, nhằm bảo đảm nguyên tắc tất cả quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân. Phải có sự phân công và phối hợp giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp.

- Xây dựng Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội trong hệ thống chính trị Mặt trận và các tổ chức chính trị - xã hội có vai trò quan trọng trong việc tập hợp vận động, đoàn kết các tầng lớp nhân dân, đại diện cho quyền lợi và lợi ích của nhân dân, đề xuất các chủ trương, chính sách về kinh tế, văn hóa, xã hội, an ninh quốc phòng…Mặt trận phải thực hiện vai trỏ giám sát và phản biện xã hội.

**7. Trình bày đương lối của Đảng về xây dựng, phát triển nền văn hóa và giải quyết những vấn đề xã hội trong thời kì đổi mới.**

+ Quá trình đổi mới tư duy về xây dựng và phát triển nền văn hóa:

Từ Đại hội VI đến Đại hội XI, Đảng ta đã hình thành từng bước nhận thức mới về đặc trưng của nền văn hoá mới mà chúng ta cần xây dựng; về chức năng, vai trò, vị trí của văn hoá trong phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập quốc tế. Đại hội VI (năm 1986) Xác định: khoa học - kỹ thuật là một động lực to lớn đẩy mạnh quá trình phát triển KT – XH.Cương lĩnh năm 1991 Lần đầu tiên đưa ra quan niệm nền văn hóa Việt Nam có đặc trưng: tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc.Đại hội VII (1991) và Đại hội VIII (1996) Khẳng định: khoa học và giáo dục đóng vai trò then chốt trong sự nghiệp xây dựng CNXH và bảo vệ Tổ quốc, là một động lực đưa đất nước thoát khỏi nghèo nàn.Nghị quyết TƯ 5, khóa VIII (7-1998). Nêu ra 5 quan điểm cơ bản chỉ đạo quá trình phát triển VH trong thời kỳ CNH, HĐH đất nước.Hội nghị Trung ương 9 Khóa IX (1-2004) Xác định thêm phát triển văn hóa đồng bộ với phát triển kinh tế.Hội nghị Trung ương 10 khóa IX (7-2004) Đặt vấn đề bảo đảm sự gắn kết giữa nhiệm vụ phát triển kinh tế; xây dựng, chỉnh đốn Đảng với nhiệm vụ không ngừng nâng cao VH - nền tảng tinh thần của XH.Văn kiện Đại hội Đảng khóa XI nhấn mạnh việc chăm lo phát triển văn hóa trong thời gian tới phải “ Củng cố và tiếp tục xây dựng mội trường văn hóa lành mạnh, phong phú, đa dạng; phát triển sự nghiệp văn học, nghệ thuật; bảo tồn, phát huy giá trị các di sản văn hóa truyền thống, cách mạng;Phát triển hệ thống thông tin đại chúng; mở rộng và nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế về văn hóa…

Quan điểm chỉ đạo và chủ trương về xây dựng và phát triển nền văn hóa: Một là Văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, vừa là mục tiêu vừa là động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế -xã hội. Hai là nền văn hóa mà chúng ta xây dựng là nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc. Ba là nền văn hóa chúng ta xây dựng là nền văn hóa thống nhất mà đa dạng trong cộng đồng dân tôc VN. Bốn là xây dựng và phát triển văn hóa là sự nghiệp chung của toàn dân do Đảng lãnh đạo, trong đó đội ngũ trí thức giữ vai trò quan trọng. Năm là giáo dục đào tạo cùng với khoa học công nghệ đươc coi là quốc sách hàng đầu. Sáu là văn hóa là một mặt trận, xây dựng và phát triển văn hóa là sự nghiệp cách mạng lâu dài, đòi hỏi phải có ý chí cách mạng và sự kiên trì, thận trọng.

Việc thực hiện đường lối đã mang lại kết quả và ý nghĩa Trong những năm qua cơ sở vật chất kỹ thuật của nền văn hóa mới đã được xây dựng. Việc xây dựng con người và nguồn nhân lực có, bước phát triển rõ rệt ; hợp tác quốc tế về văn hóa được mở rộng. Giáo dục đào tạo có bước phát triển mới, quy mô giáo dục và đào tạo tăng ở tất cả các cấp, dân trí tiếp tục được nâng cao. Khoa học công nghệ có bước phát triển, phục vụ thiết thực cho nhiệm vụ phát triển knh tế xã hội. Việc xây dựng đời sống văn hóa và nếp sống văn minh có tiến bộ ở tất cả các tỉnh, thành trong cả nước. Bên cạnh đó tồn tại những hạn chế: Những thành tựu đạt được trong lĩnh vực văn hóa còn chưa tương sứng và vững chắc, chưa đủ để tác động có hiệu quả đối với các lĩnh vực của đời sống xã hội, đặc biệt là lĩnh vực tư tưởng, đạo đức lối sống tiếp tục có những diễn biến phức tạp, có một số mặt nghiêm trọng hơn, làm tổn hại đến uy tín của Đảng và nhà nước, niềm tin của nhân dân.Sự phát triển văn hóa chưa đồng bộ và tương sứng với tăng trưởng kinh tế, thiếu gắn bó với nhiệm vụ xây dựng chỉnh đốn Đảng. Nhiệm vụ xây dựng con người VN trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hoá, chưa tạo được chuyển biến rõ rệt. Việc xây dựng thể chế văn hóa còn chậm, chưa đổi mới, thiếu đồng bộ. Tình trạng nghèo nàn, thiếu thốn, lạc hậu về đời sống văn hóa – tinh thần ở một số vùng nông thôn, miền núi, vùng sâu vùng xa… vẫn chưa được khắc phục có hiệu quả. Nguyên nhân dẫn đến những hạn chế đó là do nhận thức của Đảng về vai trò đặc biệt quan trọng của văn hóa chưa thật đầy đủ và chưa xây dựng được cơ chế, chính sách và giải pháp phù hợp để phát triển văn hóa trong cơ chế thị trường định hướng XHCN.

+ Quá trình nhận thức và chủ trương giải quyết các vấn đề xã hội:

Các vấn đề xã hội trong chương này bao gồm nhiều lĩnh vực như: việc làm, thu nhập, bình đẳng xã hội, khuyến khích làm giàu, xóa đói giảm nghèo, chăm sóc sức khỏe, cung ứng dịch vụ công, an sinh xã hội, cứu trợ xã hội, chính sách dân số và kế hoạch hóa gia đình... Nhận thức về giải quyết các vấn đề xã hội: Đại hội lần thứ VI (1986) nêu rõ tầm quan trọng của CSXH đối với chính sách kinh tế và các chính sách ở các lĩnh vực khác và khẳng định Phát triển kinh tế là cơ sở và tiền đề để thực hiện CSXH, đồng thời thực hiện tốt các CSXH là động lực thúc đẩy phát triển kinh tế. Tại Đại hội lần thứ VIII (1996) nhận định Tăng trưởng kinh tế phải gắn liền với tiến bộ công bằng xã hội ngay trong từng bước đi và trong suốt quá trình phát triển. Thực nhiều hình thức phân phối. Khuyến khích làm giàu hợp pháp, tích cực XĐGN. Các vấn đề CSXH đều giải quyết theo tinh thần xã hội hóa. Năm 2001, Đại hội lần thứ IX diễn ra: Các CSXH phải hướng vào phát triển và làm lành mạnh hóa XH, thực hiện công bằng trong phân phối, thực hiện bình đẳng các quan hệ xã hội, khuyến nhân dân làm giầu hợp pháp.Kết hợp các mục tiêu KT với mục tiêu XH trong phạm vi cả nước, ở từng lĩnh vực, từng địa phương là chủ trương của đại hội lần thứ X năm 2006. Đến Đại hội lần thứ XI(2011)tiếp tục sửa đổi, hoàn thiện hệ thống bảo hiểm XH, bảo hiểm y tế, bảo hểm thất nghiệp…tập trung triển khai có hiệu quả các chương trình XĐGN ở vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn… Huy động mọi nguồn lực XH cùng với Nhà nước chăm lo tốt hơn nữa đ/s vật chất và tinh thần của những người và gia đình có công.

Về quan điểm về giải quyết các vấn đề xã hội: Một là, Kết hợp các mục tiêu kinh tế với các mục tiêu xã hội. Hai là, xây dựng và hoàn thiện thể chế gắn kết tăng trưởng kinh tế với tiến bộ, công bằng xã hội trong từng bước và từng chính sách phát triển.Ba là, chính sách xã hội được thực hiện trên cơ sở phát triển kinh tế, gắn bó hữu cơ với quyền lợi và nghĩa vụ, giữa cống hiến và hưởng thụ. Bốn là, coi trọng chỉ tiêu GDP bình quân đầu người gắn với chỉ tiêu phát triển con người (HDI) và chỉ tiêu phát triển các lĩnh vực xã hội.Quan điểm này khẳng định mục tiêu cuối cùng và cao nhất của sự phát triển phải là vì con người, vì một xã hội dân giàu, nước mạnh, công bằng, dân chủ, văn minh. Phát triển phải bền vững, không chạy theo số lượng tăng trưởng.

Từ đó dẫn đến các chủ trương giải quyết các vấn đề xã hội: Một là, khuyến khích mọi người dân làm giàu theo pháp luật, thực hiện có hiệu quả mục tiêu xóa đói, giảm nghèo.Hai là, bảo đảm cung ứng dịch vụ công thiết yếu, bình đẳng cho mọi người dân, tạo việc làm và thu nhập, chăm sóc sức khỏe cộng đồng. Ba là, Phát triển hệ thống y tế công bằng và hiệu quả.Bốn là, xây dựng chiến lược quốc gia về nâng cao sức khỏe và cải thiện giống nòi.Năm là, thực hiện tốt các chính sách dân số và kế hoạch hóa gia đình. Sáu là, chú trọng các chính sách ưu đãi xã hội. Bảy là, đổi mới cơ chế quản lý và phương thức cung ứng các dịch vụ công cộng.

**8. Trình bày đường lối đối ngoại của Đảng trong thời kì đổi mới, và những chủ trương, chính sách về mở rộng qh đối ngoại, hội nhập kinh tế quốc tế.**

***Hoàn cảnh lịch sử***

Tình hình thế giới từ giữa thập niên 80 của thế kỷ XX:

-Cuộc cách mạng khoa học và công nghệ phát triển mạnh mẽ, tác động sâu sắc đến mọi mặt đời sống của các quốc gia, dân tộc.

-Các nước XHCN lâm vào khủng hoảng sâu sắc. Đến năm 1991, chế độ XHCN ở Liên Xô, Đông Âu sụp đổ, dẫn đến những biến đổi to lớn về quan hệ quốc tế. -Xu thế chạy đua phát triển kinh tế khiến các nước, nhất là những nước đang phát triển đã đổi mới tư duy đối ngoại, thực hiện chính sách đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ quốc tế. -Xu thế toàn cầu hóa và tác động của nó:toàn cầu hóa là quá trình lực lượng sản xuất và quan hệ kinh tế quốc tế phát triển vượt qua các rào cản bởi biên giới quốc gia và khu vực, lan tỏa ra phạm vi toàn cầu.

***Các giai đoạn hình thành, phát triển đường lối***

**GIAI ĐOẠN 1986 - 1996**

-Xác lập đường lối đối ngoại độc lập tự chủ, rộng mở, đa dạng hóa, đa phương hóa quan hệ quốc tế.

Đại hội VI (12-1986) -Mở rộng quan hệ hợp tác kinh tế với các nước ngoài hệ thống XHCN, với các nước công nghiệp phát triể.v.v… Luật đầu tư nước ngoài (12-1987) -Tạo cơ sở pháp lý cho hoạt động đầu tư trực tiếp nước ngoài vào Việt Nam . Bộ Chính trị ra Nghị quyết số 13 (5-1988) -Chủ động chuyển cuộc đấu tranh từ tình trạng đối đầu sang đấu tranh và hợp tác. ⇨Nghị quyết số 13 đặt nền móng hình thành đường lối đối ngoại độc lập tự chủ, rộng mở, đa dạng hóa, đa phương hóa quan hệ quốc tế. Đại hội VII (6-1991) -Đề ra chủ trương “hợp tác bình đẳng và cùng có lợi với tất cả các nước, không phân biệt chế độ chính trị - xã hội khác nhau trên cơ sở các nguyên tắc cùng tồn tại hoà bình. ⇨Phương châm: “Việt Nam muốn là bạn với tất cả các nước trong công đồng thế giới, phấn đấu vì hòa bình, độc lập và phát triển”. Hội nghị đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ khóa VII (1-1994) -Chủ trương triển khai mạnh mẽ và đồng bộ đường lối đối ngoại độc lập tự chủ, rộng mở, đa dạng hóa, đa phương hóa quan hệ đối ngoại.

***GIAI ĐOẠN 1996 - NAY***

**Bổ sung và phát triển đường lối đối ngoại theo phương châm chủ động, tích cực hội nhập quốc tế.**

Đại hội VIII (6-1996) -Tiếp tục mở rộng quan hệ quốc tế, hợp tác nhiều mặt với các nước. Xây dựng nền kinh tế mở và đẩy nhanh quá trình hội nhập KT khu vực và TG.

NQ Hội nghị lần thứ tư BCHTW, khóa VIII (12-1997) -Tiến hành khẩn trương, vững chắc việc đàm phán Hiệp định Thương mại với Mỹ, gia nhập APEC và WTO. Đại hội XI (1-2011) -Thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hoà bình, hợp tác và phát triển; đa phương hoá, đa dạng hoá quan hệ, chủ động và tích cực hội nhập quốc tế; là bạn, đối tác tin cậy và thành viên có trách nhiệm trong cộng đồng quốc tế; vì lợi ích quốc gia, dân tộc, vì một nước Việt Nam XHCN giàu mạnh.. Đại hội IX (4-2001) -Đề ra chủ trương chủ động hội nhập kinh tế quốc tế và khu vực theo tinh thần phát huy tối đa nội lực ⇨Phương châm: “VN sẵn sàng là bạn, là đối tác tin cậycủa các nước trong cộng đồng quốc tế, phấn đấu vì hoà bình, độc lập và phát triển”. Đại hội X (4-2006) -Thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại độc lập tự chủ, hòa bình, hợp tác và phát triển; chính sách đối ngoại rộng mở, đa phương hóa, đa dạng hóa các quan hệ quốc tế.

\***Một số chủ trương, chính sách lớn về mở rộng quan hệ đối ngoại, hội nhập quốc tế**  Nghị quyết Hội nghị Trung ương 4 khóa X (tháng 2-2007) -Đưa các quan hệ quốc tế đã được thiết lập đi vào chiều sâu, ổn định, bền vững-Bổ sung và hoàn thiện hệ thống pháp luật và thể chế kinh tế phù hợp với các nguyên tắc, quy định của WTO-Chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế theo lộ trình phù hợp-Đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao hiệu quả, hiêu lực của bộ máy nhà nước -Đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao hiệu quả, hiêu lực của bộ máy nhà nước-Giải quyết tốt các vấn đề văn hóa, xã hội và môi trường trong quá trình hội nhập-Phối hợp chặt chẽ hoạt động đối ngoại của Đảng, ngoại giao Nhà nước và đối ngoại nhân dân; chính trị đối ngoại và kinh tế đối ngoại-Giữ vững và tăng cường quốc phòng, an ninh trong quá trình hội nhập-Đổi mới và tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của Nhà nước đối với các hoạt động đối ngoại

Muốn xây dựng, muốn trả lời được về ***Trách nhiệm của bản thân trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc hiện nay*** là như thế nào? Thì trước tiên đối với công cuộc xây dựng tổ quốc thanh niên cần phải:

– Chăm chỉ, sáng tạo, học tập, lao động; có mục đích, động cơ học tập đúng đắn, học tập để mai sau xây dựng đất nước, hiểu học tập tốt là yêu nước.

– Quan tâm đến đời sống chính trị- xã hội của địa phương, đất nước, đồng thời Thực hiện tốt mọi chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước; đồng thời vận động mọi người xung quanh cùng thực hiện theo đúng quy định của pháp luật.

– Tích cực rèn luyện đạo đức, tác phong; lối sống trong sáng, lành mạnh, tránh xa các tệ nạn xã hội; biết đấu tranh chống các biểu hiện của lối sống lai căng, thực dụng, xa rời các giá trị văn hoá- đạo đức truyền thống của dân tộc.

– Tích cực tham gia góp phần xây dựng quê hương bằng những việc làm thiết thực, phù hợp khả năng như: tham gia bảo vệ môi trường, phòng chống tệ nạn xã hội, xoá đói giảm nghèo, chống tiêu cực, tham nhũng, tham gia những hoạt động mang tính xã hội như hiến máu tình nguyện, làm tình nguyện viên…

– Biết phê phán, đấu tranh với những hành vi đi ngược lại lợi ích quốc gia, dân tộc.

Mỗi chúng ta để làm tốt điều này thì phải coi đây là một nghĩa vụ thiêng liêng cao quý của mỗi công dân. Từ đó chúng ta sẽ ý thức được Trách nhiệm của thanh niên, học sinh hiện nay là:

– Tích cực học tập, rèn luyện thân thể, giữ gìn vệ sinh, bảo vệ sức khoẻ.

– Trung thành với Tổ quốc, với chế độ xã hội chủ nghĩa, Cảnh giác trước âm mưu chia rẽ, xuyên tạc của các thế lực thù địch; phê phán, đấu tranh với những thái độ, việc làm gây tổn hại đến an ninh quốc gia, xâm phạm chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc.

– Tích cực tham gia các hoạt động an ninh, quốc phòng ở địa phương; tham gia hoạt động đền ơn đáp nghĩa…

– Tham gia đăng kí tham gia huấn luyện nghĩa vụ quân sự khi đến tuổi; sẵn sàng lên đường làm nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc.

– Vận động bạn bè, người thân thực hiện tốt nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc.

Mỗi chúng ta khi sinh ra được sống trong nền hòa bình đã là một sự may mắn, chính vì vậy chúng ta cần phải cống hiến nhiều hơn để phát triển nước nhà vững mạnh, có thể chống lại mọi kẻ thù. Mỗi người khi học tập, lao động, tạo lập cho mình một cuộc sống tốt đẹp cũng chính là cống hiến cho tổ quốc. Bên cạnh đó, mỗi chúng ta cần phải yêu thương, giúp đỡ đồng bào, đoàn kết với mọi người vì điều đó không chỉ giúp cho chúng ta được yêu thương, trân trọng mà còn thể hiện sức mạnh đại đoàn kết dân tộc.

Là một học sinh trước hết chúng ta cần học tập thật tốt, nghe lời ông bà cha mẹ, lễ phép với thầy cô. Có nhận thức đúng đắn về việc giữ gìn và bảo vệ tổ quốc. Luôn biết yêu thương và giúp đỡ những người xung quanh,… Tuy nhiên vẫn còn có nhiều bạn chưa có nhận thức đúng đắn về trách nhiệm của mình đối với quê hương, đất nước, chỉ biết đến bản thân mình, coi việc chung là việc của người khác,… những người này đáng bị xã hội thẳng thắn lên án. Mỗi chúng ta cần phải cố gắng không chỉ vì tương lai của mình mà còn để xây dựng đất nước giàu đẹp xứng đáng với những gì được hưởng